

Số: **23** /2019/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày **08** tháng **8** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ khoản 4 Điều 18 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 42/TTr-STTTT ngày 01 tháng 07 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15** tháng **8** năm 2019 và thay thế Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng



truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TT&TT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các hội, đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; các Phòng, Ban, Trung tâm;
- Lưu: VT (T-12_{29/17}).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trâm

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II
của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2019/QĐ-UBND ngày 01 / 8 /2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân, các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và mục đích sử dụng

1. Giải thích từ ngữ

a) Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước là phân hệ của mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối tới các thiết bị đầu cuối tại các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh, do doanh nghiệp viễn thông cung cấp, quản lý, vận hành và khai thác trên địa bàn tỉnh.

b) Đơn vị sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Phước là các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh có kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II.

2. Mục đích sử dụng

a) Mạng truyền số liệu chuyên dùng được đưa vào sử dụng nhằm cung cấp hạ tầng mạng truyền dẫn tốc độ cao, công nghệ hiện đại để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin nhằm gửi, nhận, xử lý, lưu trữ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của các tổ chức được thông suốt, liên tục và bảo đảm an toàn, bảo mật.

b) Việc tham gia vào hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng nhằm kết nối các hệ thống mạng nội bộ giữa các ngành, các cấp tạo thành hệ thống mạng diện rộng để triển khai và liên thông giữa các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác điều hành, tác nghiệp của các tổ chức tham gia vào hệ thống; đồng thời thúc đẩy phương thức trao đổi hồ sơ, văn bản điện tử, dữ liệu, thông tin trong hoạt động của các tổ chức trên địa bàn tỉnh.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng phải đảm bảo tăng cường năng lực quản lý, phát huy tinh thần trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ và bảo đảm hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các tổ chức.

2. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh ký kết hợp đồng với các cơ quan sử dụng dịch vụ mạng truyền số liệu chuyên dùng, chịu trách nhiệm đảm bảo vận hành và cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

Điều 5. Danh mục dịch vụ cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh trong việc cung cấp, khai thác và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

2. Quản lý các kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; cấu hình phần mềm hệ thống trên các thiết bị mạng, hồ sơ hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng; phân hoạch các vùng địa chỉ mạng.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn, đào tạo kiến thức quản trị hệ thống, an toàn mạng, bảo mật thông tin, quản lý và khai thác mạng truyền số liệu chuyên dùng nhằm giúp các tổ chức, cá nhân sử dụng hiệu quả và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng.

4. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy chế về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng.

5. Phối hợp với các tổ chức có liên quan thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, kiến trúc hạ tầng và an ninh thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin.

6. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy chế, quy định của Nhà nước về mạng truyền số liệu chuyên dùng; hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng.

7. Trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, tổng hợp, báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình khai thác, sử dụng mạng

truyền số liệu chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại tỉnh Bình Phước.

Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Phối hợp với các tổ chức có liên quan:

a) Điều hành, kết nối mạng đường trục với các mạng nội bộ của các tổ chức từ cấp tỉnh tới cấp xã theo thực tế ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên cơ sở yêu cầu kết nối của tổ chức và theo chỉ đạo của Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Quản lý, duy trì, vận hành, khai thác, khắc phục sự cố, bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm kết nối thông suốt, liên tục trong phạm vi toàn tỉnh.

c) Bảo đảm các yêu cầu về dung lượng và an toàn, an ninh thông tin với tổ chức tham gia sử dụng.

d) Chỉ lắp đặt mới, mở rộng kết nối trên mạng truyền số liệu chuyên dùng khi có sự đồng ý bằng văn bản của Sở Thông tin và Truyền thông.

đ) Tổ chức, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng sau khi lắp đặt.

2. Công bố các quy định về chi phí sử dụng, quản lý, điều hành, khai thác, khắc phục sự cố, bảo trì, bảo dưỡng đường truyền kết nối.

3. Công bố các điểm đăng ký dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại của các đơn vị sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh.

4. Xây dựng và công bố quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu, thương thảo, ký kết hợp đồng với đơn vị sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II.

5. Triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng và con người để bảo đảm cơ sở hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng hoạt động liên tục và an toàn.

6. Cung cấp đầu mối liên lạc để hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại của các đơn vị sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh; sơ đồ mạng, địa chỉ mạng đầu cuối cho các tổ chức thụ hưởng.

7. Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và ngày 10 tháng 11 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình khai thác, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức tham gia sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Được sử dụng các tài nguyên trên mạng truyền số liệu chuyên dùng để vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các ứng dụng công nghệ thông tin khác trong hoạt động của mình; chịu trách nhiệm về nội dung thông tin cung cấp trên mạng truyền số liệu chuyên dùng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Quản lý, vận hành và bảo vệ các thiết bị mạng đầu cuối được bàn giao cho đơn vị thụ hưởng.

3. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan đến an toàn thông tin và an toàn mạng khi kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng.

a) Xây dựng hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng nội bộ nhằm ngăn chặn các truy cập trái phép từ bên ngoài (bao gồm: thiết bị phần cứng hoặc các phần mềm chuyên dùng).

b) Quản lý các chính sách kết nối Internet của tổ chức thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.

4. Tuân thủ các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin của các tổ chức có thẩm quyền ban hành.

5. Cử cán bộ, công chức, viên chức có trình độ về công nghệ thông tin để quản trị mạng và tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, lớp tập huấn, các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông hoặc các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp tổ chức.

6. Không thay đổi kết nối thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến mạng truyền số liệu chuyên dùng khi không có thẩm quyền; không gây xung đột tài nguyên ảnh hưởng đến vận hành toàn hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng.

7. Khi có nhu cầu kết nối mới, điều chỉnh, mở rộng, hủy bỏ kết nối hoặc triển khai các dịch vụ theo yêu cầu, phải có văn bản đề nghị gửi Sở Thông tin và Truyền thông trước 05 ngày làm việc để xem xét, hỗ trợ nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể mạng truyền số liệu chuyên dùng.

8. Đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số với Ban Cơ yếu Chính phủ để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng.

9. Bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng; xây dựng quy chế nội bộ về việc sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

10. Trả chi phí sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định của Nhà nước được áp dụng theo Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

11. Trước ngày 05 tháng 11 hàng năm, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.

Điều 9. Trách nhiệm của cá nhân khi tham gia khai thác, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Được quyền sử dụng các tài nguyên trên mạng truyền số liệu chuyên dùng để phục vụ cho hoạt động công vụ và liên quan đến công vụ nhưng phải

đảm bảo về chế độ bảo mật, an toàn, an ninh thông tin; chịu trách nhiệm đối với các thông tin cung cấp trên mạng truyền số liệu chuyên dùng.

2. Tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng. Không được tiết lộ mật khẩu truy cập các ứng dụng trên mạng chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền.

3. Chấp hành nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách có liên quan của nhà nước về công nghệ thông tin và viễn thông; quản lý và cung cấp thông tin; chế độ bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

4. Không tự ý cài đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng truyền số liệu chuyên dùng vào các mục đích không thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ.

5. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

6. Khi gặp sự cố phải thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để kịp thời giải quyết.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm